

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 19/9/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST- DS, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST – DS, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà H N Êban, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là: Buôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà H N Niê: Bà Lê Thị H. Địa chỉ số xx L, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Bị đơn: Bà H H Bkrông, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là Buôn Y, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà H H Bkrông: Ông Y Ph Niê, sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk . Nay là buôn C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà H Y Niê.

Địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là Buôn Y, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H N Êban trình bày:*

Do có mối quan hệ đồng nghiệp, vào ngày 12/8/2017, bà có cho bà H H Bkrông vay số tiền 190.800.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có lập giấy vay tiền nhưng không công chứng, chứng thực và không có tài sản thế chấp. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, hai bên có thỏa thuận miệng về thời gian vay là một tháng và lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ngoài khoản vay trên, bà H H Bkrông còn vay thêm các khoản khác nhưng đã trả. Riêng đối với khoản vay ngày 12/8/2017 với số tiền 190.800.000 đồng thì bà H H chưa thanh toán cho bà. Hiện tại khoản vay trên đã quá hạn, bà cũng đã đôn đốc nhắc nhở để bà H H thanh toán nợ cho bà nhưng không có kết quả. Vì vậy, bà H N Êban chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H H Bkrông phải trả cho bà số tiền vay gốc của ngày 12/8/2017 là 190.800.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Quá trình giải quyết vụ án bà H H Bkrông trình bày:*

Bà H H thừa nhận, vào ngày 12/8/2017, bà có vay của bà H N Êban số tiền 190.800.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có lập giấy vay tiền nhưng không công chứng, chứng thực, không thế chấp tài sản. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong giấy vay tiền. Sau khi vay thì bà đã trả cho bà H N số tiền 150.000.000 đồng vào các ngày cụ thể như sau:

Ngày 12/8/2017 trả 90.000.000 đồng; ngày 09/02/2018 trả 25.000.000 đồng; ngày 08/3/2018 trả 15.000.000 đồng; ngày 10/01/2018 trả 10.000.000 đồng; ngày 29/01/2018 trả 10.000.000 đồng

Hiện tại bà chỉ nợ bà H N số tiền còn lại là 40.800.000 đồng. Tuy nhiên, do số tiền trên bà vay dùng cho bà H Y Niê nên sau đó bà với bà H N và bà H Y đã thỏa thuận: Bà H Y sẽ trả số tiền 40.800.000 đồng cho bà H N thay cho bà. Việc thỏa thuận này được lập thành biên bản và bà H N đã xác nhận, nên số nợ 40.800.000 đồng không liên quan gì đến bà nữa. Tuy nhiên, sau đó bà H N vẫn cho người đến nhà chửi bới lăng mạ tôi, đến trường nơi bà công tác quấy rối. Vụ việc trên đã được UBND xã Ea Kênh giải quyết. Tuy nhiên, hiện nay bà H N vẫn khởi kiện tôi. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H Y Niê trình bày:*

Ngày 12/8/2017 bà H Y có nhờ bà H H vay dùng của bà H N số tiền 190.800.000 đồng lãi suất 5.000đ/tr/ngày, hạn trả nợ cuối cùng là tháng 10/2018. Sau đó giữa bà H Y, bà H H với bà H N đã thỏa thuận bà H Y có nghĩa vụ trả cho bà H N số tiền nói trên. Sau khi vay thì bà H Y đã trả cho bà H N số tiền 150.000.000 đồng vào các ngày như bà H H đã trình bày. Hiện tại bà H Y chỉ còn nợ bà H N số tiền nợ gốc là 40.800.000 đồng. Vì vậy, bà H Y xin được trả số trên

thay bà H H.

Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng đại diện bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận sau khi vay, bị đơn đã thanh toán được số tiền 20.000.000đồng. Ngoài khoản tiền trên thì bà H H có thanh toán cho bà số tiền 40.000.000đồng, nhưng không phải thanh toán cho khoản vay 190.800.000đồng, mà số tiền này bà H H thanh toán cho khoản vay mà bà H H đã vay ngày 09/10/2017. Vì vậy, bà H N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng. Đồng thời yêu cầu HĐXX buộc bà H H Bkhông thanh toán cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 170.800.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn ông Y Ph Niê, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H Y Niê vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắc Lắc tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Y Ph Niê, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H Y Niê vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Y Ph Niê và bà H Y Niê.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H N Êban, buộc bà H H Bkhông phải trả cho bà H N Êban số tiền vay gốc là 170.800.000 đồng. Bà H N Êban không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà H N Niê, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắc Lắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền và Tổ tụng: Tại thời điểm bà H N Êban khởi kiện bị đơn bà H H Bkrông cư trú tại Buôn Y, xã E (nay là buôn Y, xã E, tỉnh Đắk Lắk) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, được quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đại diện bị đơn ông Y Ph Niê, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H Y Niê vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y Ph Niê, bà H Y Niê.

[3]. Xét về nội dung khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H N Êban về việc đề nghị Toà án buộc bà H H Bkrông phải trả số tiền vay gốc 170.800.000đồng, HĐXX xét thấy: Tuy quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H Y Niê cho rằng: Khoản tiền nói trên bà H H vay dùm cho bà H Y Niê, sau khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 150.000.000đồng. Trong đó: Ngày 12/8/2017 trả 90.000.000đồng; ngày 09/02/2018 trả 25.000.000đồng; ngày 08/3/2018 trả 15.000.000đồng; ngày 10/01/2018 trả 10.000.000đồng; ngày 29/01/2018 trả 10.000.000đồng, hiện tại bên vay chỉ còn nợ của bà H N Êban số tiền 40.800.000đồng. Vì vậy, bà H Y chấp nhận thanh toán số tiền 40.800.000đồng cho bà H N Êban. Trong khi đó quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H N Êban chỉ thừa nhận sau khi vay số tiền 190.800.000 đồng, bà H H chỉ thanh toán cho bà được 20.000.000đồng tiền nợ gốc. Đồng thời bà H N thừa nhận ngày 09/02/2018 bà H H trả 25.000.000đồng; ngày 08/3/2018 bà H H trả 15.000.000đồng. Tuy nhiên, số tiền này bà H H trả cho khoản vay bà H H đã vay bà ngày 09/10/2017 không liên quan đến khoản vay ngày 12/8/2017. Đối với số tiền 90.000.000đồng mà bà H H khai đã thanh toán ngày 12/8/2017, bà H N Êban thừa nhận bà là người viết và phô tô ra để bà H H biết, vì khoản tiền này bà vay dùm cho bà H H và bà đã phải trả cho bên cho vay, chứ không phải bà đã nhận tiền của bà H H. Để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bị đơn xuất trình bản chính các chứng cứ liên quan đến việc thanh toán số tiền nói trên. Tuy nhiên, phía bị đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, HĐXX có căn cứ khẳng định ngày 12/8/2017 bà H H Bkrông có vay của bà H N Êban số tiền 190.800.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H H thừa nhận chữ ký, chữ viết H H Bkrông trong giấy mượn tiền mà là H N Êban dùng để khởi kiện bà là do bà ký và viết ra. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình và không có sự ép buộc trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự này. Khi thực hiện hợp đồng vay thì bên vay bà H H là người trực tiếp ký và viết giấy vay tiền cho bà H N giữ. Nên cần xác định việc giao kết hợp đồng giữa bà H N và bà H H là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, sau khi vay bà H H chỉ thanh toán cho bà H N số tiền 20.000.000đồng, số tiền còn lại là 170.800.000đồng, mặc dù bà H N đã nhiều lần yêu cầu bà H H thanh toán khoản tiền trên nhưng không có kết quả. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án bà H H và

Y Niê cho rằng khoản tiền nói trên là H N vay dùm cho bà H Y, sau khi bà H H trả được 150.000.000đồng các bên đã thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ cho bà H Y đối với số tiền còn lại. Tuy nhiên, nguyên đơn (bà H N) không thừa nhận việc này và vẫn yêu cầu bà H H phải trả số tiền gốc là 170.800.000đồng. Phía bị đơn và người liên quan cũng không cung cấp được chứng cứ (như biên nhận có chữ ký của bà H N) để chứng minh cho việc đã trả 150.000.000 đồng và việc bà H N đồng ý cho bà H Y gánh nợ thay.

Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà H N Êban và bà H H Bkrông. Do đó, bà H H Bkrông là người phải có nghĩa vụ trả nợ trực tiếp cho bà H N theo hợp đồng đã ký. Việc bà H H cho bà H Y cho rằng bà H H vay số tiền trên cho bà H Y và giữa H H cho bà H Y thỏa thuận bà H Y trả số nợ trên cho bà H N nhưng không được bà H N thừa nhận, cũng không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc H N đồng ý để bà H Y trả nợ thay H Nuêl, nên không làm thay đổi nghĩa vụ của bà H H đối với bà H N khi chưa được bà H N đồng ý bằng văn bản. Đến nay, bà H H không trả cho bà H N số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H N Êban là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H H Bkrông phải trả cho bà H N Êban số tiền nợ gốc 170.800.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với việc quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi với số tiền nợ gốc là 20.000.000đ. HĐXX xét thấy việc nguyên đơn xin rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[3.3]. Xét yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H N Êban không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền cho vay. Do đó, HĐXX không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Do HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn bà H H Bkrông phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Mức án phí là: 170.800.000 đồng x 5% = 8.540.000 đồng.

Do HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H N Êban, được nhận lại 4.770.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên Toà là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H N Êban.

Buộc bà H H Bkrông phải trả cho bà H N Êban số tiền vay gốc là 170.800.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

Về tiền lãi suất: Bà H N Êban không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H N Êban về việc buộc bà H H Bkrông trả số tiền vay gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Về án phí:

Buộc bà H H Bkrông phải chịu 8.540.000 đồng (Chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà H N Êban 4.770.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0014402 ngày 24/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS khu vực xx – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền